TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2018/HS-ST
Ngày 07/11/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Bạc Thị Thanh Thùy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng A Tằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Hưng, Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên**: Phạm Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1980; tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khu 4, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông: Phạm Ngọc D, sinh năm 1939 và con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1951; bị cáo đã từng có vợ là Tăng Thị H nhưng đã ly hôn và có 02 người con; con lớn nhất sinh năm 2005; con nhỏ nhất sinh năm 2007 (Đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/8/2018 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên**: Trần Mạnh D**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1982; tại Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Đội 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; con ông: Trần Văn K, sinh năm 1935 và con bà: Trần Thị H, sinh năm 1938; bị cáo đã từng có vợ là Đinh Thị M nhưng đã ly hôn và có 01 người con sinh năm 2004; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tuần Giáo. Bị cáo được trích xuất áp giải và có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Họ và tên**: Đỗ Mai L**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1975; nơi cư trú: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Họ và tên**: Trần Đức T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2. Họ và tên**: Mai Thị T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1967; nơi cư trú: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

3. Họ và tên**: Bùi Văn S**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1977; nơi cư trú: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và Trần Mạnh D là các đối tượng sống lang thang, có đến nghỉ nhờ tại nhà của Nguyễn Văn N; sinh năm 1974; trú tại Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 06/8/2018, Phạm Văn T có gọi Trần Mạnh D dậy và rủ D đi trộm cắp tài sản. Cụ thể T nói: "D ơi dậy đi ra ngoài với anh, xem nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản". Khi T rủ thì D đồng ý và trả lời "Vâng". Sau đó T chuẩn bị kìm cộng lực và đèn pin, rồi cùng với D đi bộ từ nhà N ở khối T, thị trấn T lên hướng chợ Trung tâm T , T trực tiếp cầm kìm cộng lực và đèn pin. D đi bộ theo sau T, khi đến đường rẽ lên sân vận động huyện Tuần Giáo, D bỏ về ngủ trước không đi cùng T nữa vì sợ bị phát hiện. Một mình T tiếp tục đi bộ lên hướng chợ Trung Tâm, khi đến cổng chợ chính T rẽ vào cổng chợ và dùng đèn pin soi vào nhiều ki ốt, khi đến kiốt số 2 của gia đình anh Bùi Văn S; sinh năm 1977; trú tại Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên, Kiốt trên hiện tại anh S đã cho anh Đỗ Mai L; sinh năm 1975; trú tại khối T, huyện T gửi nhờ đồ, T đã dùng đèn pin soi thấy kiốt số 2 có cửa bằng cửa sắt có 2 khóa ở hai vị trí trên dưới, T dùng đèn pin soi thấy không có người. Lúc này, T dùng kìm cộng lực cắt khóa phía dưới trước sau đó cắt khóa thứ hai; một khóa T vất vào thùng rác còn một khóa T vẫn treo trên cửa, cắt khóa xong tuân dùng tay kéo cửa ra hai bên rồi đi vào trong thì T thấy cửa kiốt có 2 tấm tôn chắn, T dùng tay nhấc từng miếng tôn ra và vào bên trong kiốt, T đã dùng đèn pin soi thấy phía trước có nhiều bao gạo và T tiếp tục dùng đèn pin soi thì phát hiện có một máy bơm nước dưới gầm bàn, sau đó T quay ra ngoài kiốt và kéo cửa sắt lại và đi bộ về nhà N và tự lấy xe đạp rồi quay lên chợ. Khi đến chợ, T để xe đạp ở ngoài và T đi vào trong kiốt nhấc lấy một bao gạo đem ra ngoài để lên khung xe đạp và chở về cất giấu sau nhà N. Sau đó T đã quay lên chỗ kiốt lần 2, lấy đi một chiếc máy bơm và đem về cất giấu đằng sau nhà N. Tiếp tục T quay lại chỗ kiốt lấy tiếp một bao gạo, một cân tạ và một cuộn ống hút của máy bơm, trên đường đi về vì mệt nên T đã đem bao gạo giấu dưới các bao rác cạnh đường lên sân vận

động huyện Tuần Giáo, còn cái cân và cuộn ống hút của máy bơm T đem giấu dưới tán cây ở giữa giải phân cách đường lên sân vận động huyện Tuần Giáo, sau khi cất giấu xong, T quay về nhà N tắm rửa và đi ngủ. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/8/2018 T ngủ dậy và lấy xe đạp ở nhà N đem bao gạo trộm cắp được, cất giấu sau nhà N đem bán cho cửa hàng bán gạo của chị Mai Thị T, trú tại Khối T, thị trấn T, huyện T, với giá thỏa thuận là 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng)*. đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T có bảo với D việc đã trộm cắp được gạo, cái cân, cổ hút máy bơm hiện đang cất giấu, T chỉ chỗ cho D lên lấy về, D lấy xe đạp lên thì chỉ thấy bao gạo và đem về còn cái cân và cổ hút máy bơm bị mất tìm không thấy. Sau đó T bảo D chở bao gạo D vừa mang về đi bán lấy tiền. D đã chở ra chỗ cửa hàng bán gạo, dọc đường có một người lạ mặt hỏi mua D đã bán bao gạo đó với giá 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng)*. Số tiền bán gạo, D đã đem về đưa cho T để chi tiêu chung tại nhà của N. Còn chiếc máy bơm, T đã sử dụng điện thoại của T để liên hệ, thỏa thuận bán cho Trần Đức T; sinh năm 1968; trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình với giá 1.000.000đ *(Một triệu đồng) và* khoảng 18 giờ ngày 06/8/2018, T lấy chiếc máy bơm đang cất giấu sau nhà N đem đóng gói và gửi theo xe ô tô khách chạy tuyến Điện Biên - Thái Bình để bán cho Trần Đức T. Toàn bộ số tiền bán gạo, máy bơm được 2.400.000đ *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)*, số tiền trên T giữ đã chi tiêu hết vào việc mua thức ăn và đồ dùng sinh hoạt hàng ngày cho T, D và N. Việc T, D trộm cắp tài sản, đem cất giấu và tiêu thụ chỉ có T và D biết với nhau, còn Nguyễn Văn N chủ nhà không biết gì. Các bị cáo được đưa về Cơ quan điều tra để làm rõ.

Ngày 15/8/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tuần Giáo đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 153. Tại bản Kết luận giá trị tài sản số: 26/KL-ĐGTS ngày 15/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 01(một) máy bơm nước cứu hỏa hiệu HONDA có giá trị: 2.000.000đ; 01(một) cổ hút máy bơm màu trắng dài 1,5m có giá trị: 750.000đ; 01(một) cân tạ bàn đồng hồ loại 100kg màu xanh lá cây, nhãn hiệu Nhơn Hòa trị giá là: 475.000 đồng; 40kg gạo tẻ thơm (Tẻ nhật) trị giá 600.000 đồng; 40 kg gạo nếp thơm (Nếp nương) trị giá: 1.080.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được định giá là 4.905.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm linh năm nghìn đồng)*

Tại Cáo trạng số: 85/CT-VKS-TG ngày 14 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Trần Mạnh D về hành vi Trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa Vị kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trần Mạnh D phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù và xử phạt bị cáo Trần Mạnh D từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 không phạt bổ sung bằng

tiền đối với các bị cáo vì bị cáo nghiện ma túy. Phần bồi thường thiệt hại do bị hại không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; đối với anh Trần Đức T và chị Cao Thị T do không có ý kiến gì, nên nếu có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thì có thể giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại đơn đề nghị của bị hại, anh Đỗ Mai L đã nhận được một số tài sản, xét thấy các bị cáo không có khả năng bồi thường thiệt hại nên không đề nghị các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của Pháp luật đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T nhận phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo cũng chấp nhận giá trị tài sản là 4.905.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo D nhận phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo cũng chấp nhận giá trị tài sản là 4.905.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T và Trần Mạnh D thừa nhận: Phạm Văn T đã rủ Trần Mạnh D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã được D đồng ý. Vào khoảng 01 giờ ngày 06/8/2018, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo Phạm Văn T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp: 01(một) máy bơm nước cứu hỏa hiệu HONDA có giá trị: 2.000.000đ; 01(một) cổ hút máy bơm màu trắng dài 1,5m có giá trị: 750.000đ; 01(một) cân tạ bàn đồng hồ loại 100kg màu xanh lá cây, nhãn hiệu Nhơn Hòa trị giá là: 475.000 đồng; 40kg gạo tẻ thơm (Tẻ nhật) trị giá 600.000 đồng; 40 kg gạo nếp thơm (Nếp nương) trị giá: 1.080.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được định giá là 4.905.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm linh năm nghìn đồng)* của anh Đỗ Mai L; trú tại: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Mặc dù đã thống nhất đi trộm cắp tài sản nhưng D lại không tiếp tục đi cùng với T để trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ra khỏi kiốt. Nhưng sau khi T trộm cắp được tài sản, thì D lại là người tích cực giúp sức cho T mang tài sản về và cũng đem đi bán lấy tiền. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Kết luận điều tra, Cáo trạng, bị hại, người có quyền lợi; nghĩa vụ liên quan. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trần Mạnh D đã phạm tội Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội thấy: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở

hữu về tài sản của anh Đỗ Mai L được pháp luật bảo vệ. Từ hành vi của bị cáo còn thấy sự táo bạo chiếm đoạt tài sản. Bởi vậy, cần phải đưa ra mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Phạm Văn T từ nhỏ sống phụ thuộc gia đình, được bố mẹ cho đi học đến lớp 12/12 và lao động tự do. Năm 2005 kết hôn với chị Tăng Thị H, đến năm 2017 thì ly hôn và có 02 người con. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Đến đầu năm 2017 đến thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên nhưng không có nơi ở ổn định, không có đăng ký tạm trú. Ngày 15/8/2018, bị cáo bị khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có sức khỏe lao động, lẽ ra bị cáo phải cần cù chịu khó để lao động mang lại những thu nhập chính đáng phục vụ đời sống của mình. Nhưng chỉ vì lười lao động, muốn có tiền một cách dễ dàng, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Từ hành động của bị cáo, đã gây không ít những tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có ý thức tôn trọng quyền về tài sản của người khác. Bởi vậy Hội đồng xét xử cần đưa ra mức án thật nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo; giúp bị cáo trở thành người tốt, người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Trần Mạnh D từ nhỏ sống phụ thuộc gia đình, được bố mẹ cho đi học đến lớp 9/12 thì bỏ học ở nhà lao động sản xuất. Năm 2003 kết hôn với chị Đinh Thị M, đến năm 2012 thì ly hôn và có 01 người con. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2007. Ngày 27/8/2018, bị cáo bị khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có sức khỏe lao động, lẽ ra bị cáo phải cần cù chịu khó để lao động mang lại những thu nhập chính đáng phục vụ đời sống của mình. Nhưng chỉ vì lười lao động, muốn có tiền một cách dễ dàng, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật tích cực giúp sức cho bị cáo Tuân thực hiện hành vi phạm tội. Từ hành động của bị cáo, đã gây không ít những tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không có ý thức tôn trọng quyền về tài sản của người khác. Bởi vậy Hội đồng xét xử cần đưa ra mức án thật nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo; giúp bị cáo

trở thành người tốt, người có ích cho gia đình và xã hội và cũng là cơ hội giúp bị cáo cai nghiện ma túy.

[4] Theo khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định; các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng thi hành; vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng và tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Trần Mạnh D từ 09 đến 12 tháng tù; Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo nên cần chấp nhận.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Văn Tuân là người chủ mưu, đồng thời là người thực hành tích cực. Còn bị cáo Trần Mạnh D đồng phạm với vai trò là người tích cực giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[7] Đối với phần bồi thường thiệt hại, do anh Đỗ Mai L không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, không yêu cầu giải quyết về phần bồi thường thiệt hại; nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh Trần Văn T và chị Mai Thị T do không có đơn yêu cầu xem xét về phần thiệt hại, Tòa án đã triệu tập nhưng không có mặt; nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Trần Văn T và chị Mai Thị T có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về vật chứng: Đối với tài sản tạm thu giữ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đỗ Mai L. Việc trả lại tài sản cho bị hại là đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 kìm cộng lực bằng sắt, có chiều dài 76cm trên thân phần cắt có in chữ MEINFA và số 750 đã qua sử dụng và 01 đèn sạc điện cầm tay vỏ bằng nhựa màu đỏ - trắng có chiều dài 14cm đã qua sử dụng; đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, vật chứng còn sử dụng được vì vậy cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL kèm theo 03 sim điện thoại và 01 thẻ nhớ 32GB đã qua sử dụng và 01 thẻ căn cước công dân số 034080005307 của Phạm Văn T; do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Phạm Văn T.

[9] Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử,

1. **Tội danh**: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trần Mạnh D phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. **Hình phạt**:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/8/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh D 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án.

3. **Vật chứng vụ án**: Tịch thu của bị cáo Phạm Văn T 01 kìm cộng lực bằng sắt, có chiều dài cả phần cắt và cán dài 76cm trên thân phần cắt có in chữ MEINFA và số 750 đã qua sử dụng; 01 đèn sạc điện cầm tay vỏ bằng nhựa màu đỏ - trắng có chiều dài 14cm đã qua sử dụng để bán sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL kèm theo 03 sim điện thoại và 01 thẻ nhớ 32GB đã qua sử dụng và 01 thẻ căn cước công dân số 034080005307 của Phạm Văn T. Đặc điểm vật chứng nói trên được ghi theo Phiếu nhập kho số: PNKVC08, ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

4. **Án phí**: Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trần Mạnh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Quyền kháng cáo**: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/11/2018); bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**